

TỔNG CÔNG TY CP MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, P7, Q.Tân Bình

Mã số thuế: 03 0040 1524

Mẫu số B09 - DN

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2009****I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

- 1- Hình thức sở hữu vốn : cổ phần
- 2- Lĩnh vực kinh doanh : sản xuất, thương mại
- 3- Ngành nghề kinh doanh chính : SXKD quần áo các loại, SXKD NPL ngành may

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1- Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01/2009 kết thúc vào ngày 31/12/2009
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : đồng Việt Nam

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

- 1- Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp
- 2- Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam
- 3- Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung

IV- Các chính sách kế toán áp dụng**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

- Các nghiệp vụ kinh tế được ghi nhận và lập báo cáo theo tiền đồng Việt Nam
- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được nếu giá trị thuần thấp hơn giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho :
 - + Đối với NPL : phương pháp thực tế đích danh
 - + Đối với thành phẩm : phương pháp bình quân gia quyền
 - + Sản phẩm dở dang : đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu của sản phẩm may mặc trên các công đoạn sản xuất
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 7/12/2009. Theo đó, Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trên cơ sở chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định theo quy định của Chuẩn mực số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình : ghi nhận theo nguyên giá các tài sản chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó, có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên và có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên. Riêng máy móc thiết bị may có giá trị dưới 10 triệu đồng vẫn được xem là tài sản cố định do nằm trong dây chuyền sản xuất và để thuận tiện trong việc quản lý
- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình : khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trích khấu hao nhanh 2 lần

4- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.
- Ngoài ra các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết còn phản ánh phần đánh giá tăng các khoản đầu tư theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2006

5- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay :

- Chi phí đi vay (lãi vay) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

6- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả : trích trước vào chi phí trong kỳ các khoản chi phí phát sinh của kỳ đó nhưng chưa chi như chi phí thuê, wash của những sản phẩm đã nhập kho, thuê mặt bằng...

7- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu
- + Vốn đầu tư của chủ sở hữu : được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng : tuân thủ đầy đủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định của chuẩn mực số 14, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không ghi nhận doanh thu mà phản ánh ở mục người mua trả tiền trước
- Doanh thu cung cấp dịch vụ : tuân thủ đầy đủ 4 điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định của chuẩn mực số 14
- Doanh thu hoạt động tài chính : tuân thủ đầy đủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định của chuẩn mực số 14

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh là tổng chi phí phát sinh trong kỳ

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

11- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế của Ngân hàng Ngoại thương tại thời điểm cuối năm

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

<u>1- Tiền</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Tiền mặt	1,189,061,700	306,954,066
- Tiền gửi ngân hàng	73,648,879,692	50,757,875,803
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	74,837,941,392	51,064,829,869
	-	-
2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	238,390,046,527	
<u>3- Các khoản phải thu ngắn hạn khác</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1,375,131,947	3,325,131,947
- Phải thu khác	43,080,584,408	14,674,929,287
Cộng	44,455,716,355	18,000,061,234
	-	-
<u>4- Hàng tồn kho</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi trên đường	20,540,794,130	15,223,484,130
- Nguyên liệu, vật liệu	43,080,941,950	43,952,794,131
- Công cụ, dụng cụ	59,302,666	93,557,499
- Chi phí SX, KD dở dang	53,987,180,144	69,851,603,496
- Thành phẩm	69,620,112,129	152,549,689,723
- Hàng hóa	1,565,050,662	4,081,452,928
- Hàng gửi đi bán	19,996,458,114	12,819,739,057
Cộng giá gốc hàng tồn kho	208,849,839,795	298,572,320,964
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5,921,158,017)	(4,800,351,146)
	-	-
<u>5- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Thuế GTGT được khấu trừ	10,248,509,161	9,063,984,810
Thuế TNCN nộp thừa	19,688,423	
Cộng	10,268,197,584	9,063,984,810

6- Phải thu dài hạn khác

- Cho vay
- Phải thu dài hạn khác

Cộng

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	21,284,000,000	20,984,000,000
	182,750,000	139,750,000
	21,466,750,000	21,123,750,000
	-	-